Signature Not Verified
Được ký bởi TRẦN HUY KHANG
Ngày ký: 30-07-2013 15:26

Đơn vị báo cáo:

Ngân hàng TMCP Nam Việt

Mẫu số: B01 - TCTD
(Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc NHNN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Dạng đầy đủ

Quý II năm 2013

Đơn vị:VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	*Tài sản*			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**V.01**	**261,693,350,149**	**200,573,563,267**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**V.02**	**626,464,916,413**	**1,290,054,348,050**
III	**Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác**	**V.03**	**577,552,592,917**	**368,391,179,509**
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		253,803,228,333	44,641,814,925
2	Cho vay các TCTD khác		326,195,833,334	326,195,833,334
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(2,446,468,750)	(2,446,468,750)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**		**0**	**0**
1	Chứng khoán kinh doanh		0	0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		0	0
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**		**2,494,467,208**	**252,150,065**
VI	**Cho vay khách hàng**	**V.04**	**13,750,641,804,508**	**12,667,121,730,479**
1	Cho vay khách hàng		13,988,274,701,998	12,885,655,393,495
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng(*)	**V.05**	(237,632,897,490)	(218,533,663,016)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**V.06**	**3,006,595,706,409**	**2,510,202,448,554**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (2)		1,306,595,706,409	810,202,448,554
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1,700,000,000,000	1,700,000,000,000
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (*)		0	0
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**V.07**	**745,842,944,565**	**745,842,944,565**
1	Đầu tư vào công ty con		47,000,000,000	47,000,000,000
2	Vốn góp liên doanh		0	
3	Đầu tư vào công ty liên kết		0	0
4	Đầu tư dài hạn khác		703,515,000,000	703,515,000,000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn(*)		(4,672,055,435)	(4,672,055,435)
IX	**Tài sản cố định**		**144,434,942,766**	**163,437,556,031**
1	**Tài sản cố định hữu hình**	**V.08**	**79,170,400,548**	**96,538,406,926**
a	Nguyên giá TSCĐ		134,498,839,509	155,818,868,527
b	Hao mòn TSCĐ (*)		(55,328,438,961)	(59,280,461,601)
2	**Tài sản cố định thuê tài chính**		**0**	**0**
a	Nguyên giá TSCĐ		0	0
b	Hao mòn TSCĐ (*)		0	0

Đơn vị báo cáo:

Ngân hàng TMCP Nam Việt

Mẫu số :- B02a/TCTD
(Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc NHNN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Dạng đầy đủ

Quý II năm 2013

Đơn vị:VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
(1)		(2)	(3)	(4)
3	**Tài sản cố định vô hình**	**V.09**	**65,264,542,218**	**66,899,149,105**
a	Nguyên giá TSCĐ		71,589,694,921	72,938,404,802
b	Hao mòn TSCĐ (*)		(6,325,152,703)	(6,039,255,697)
X	**Bất động sản đầu tư**		**0**	**0**
a	Nguyên giá BĐSĐT		0	0
b	Hao mòn BĐSĐT(*)		0	0
XI	**Tài sản Có khác**	**V.10**	**4,547,282,115,144**	**3,638,172,353,488**
1	Các khoản phải thu		2,293,488,358,510	2,106,113,973,058
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1,922,893,082,888	1,324,903,888,571
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		0	0
4	Tài sản Có khác		330,900,673,746	207,154,491,859
	- Trong đó: Lợi thế thương mại		**0**	**0**
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác(*)		**0**	**0**
Tổng tài sản có			**23,663,002,840,079**	**21,584,048,274,008**
B	**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**V.11**	**0**	**732,185,695,526**
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**	**V.12**	**1,790,807,921**	**95,632,151,146**
1	Tiền gửi của các TCTD khác		1,790,807,921	1,906,151,146
2	Vay các TCTD khác		0	93,726,000,000
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**V.13**	**18,502,415,274,603**	**12,272,866,399,410**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**		**0**	**0**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	**V.14**	**254,453,145,348**	**292,408,547,137**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**V.15**	**1,233,098,415,138**	**4,805,692,887,702**
VII	**Các khoản nợ khác**	**V.16**	**474,339,498,222**	**201,123,042,982**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		178,981,018,822	167,455,544,838
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		293,243,593,311	31,875,678,769
4	Dự phòng rủi ro khác(Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		2,114,886,089	1,791,819,375

Đơn vị báo cáo:

Ngân hàng TMCP Nam Việt

Mẫu số :- B02a/TCTD
(Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc NHNN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Dạng đầy đủ

Quý II năm 2013

Đơn vị:VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
(1)		(2)	(3)	(4)
Tổng nợ phải trả			**20,466,097,141,232**	**18,399,908,723,903**
VIII	**Vốn và các quỹ**	**V.17**	**3,196,905,698,847**	**3,184,139,550,105**
1	Vốn của TCTD		2,980,571,140,030	2,980,571,140,030
a	Vốn điều lệ		3,010,215,520,000	3,010,215,520,000
b	Vốn đầu tư XDCB		0	0
c	Thặng dư vốn cổ phần		0	0
d	Cổ phiếu quỹ (*)		(29,644,379,970)	(29,644,379,970)
e	Cổ phiếu ưu đãi		0	0
g	Vốn khác		0	0
2	Quỹ của TCTD		123,342,300,530	123,342,300,530
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái(3)		2,242,317,142	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		90,749,941,145	80,226,109,545
a	Lợi nhuận/ Lỗ năm nay		10,523,831,600	2,398,463,103
b	Lợi nhuận/ Lỗ lũy kế năm trước		80,226,109,545	77,827,646,442
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số		0	0
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			**23,663,002,840,079**	**21,584,048,274,008**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**	**VIII.28**	**309,602,748,754**	**265,314,492,318**
1	Bảo lãnh vay vốn		15,000,000,000	15,000,000,000
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		53,839,417,874	156,468,662,156
3	Bảo lãnh khác		240,763,330,880	93,845,830,162
II	**Các cam kết đưa ra**			

TP HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2013

LẬP BẢNG	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Liên	Huỳnh Vĩnh Phát	ĐẶNG QUANG MINH

M.S.S.N: 1700189765 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH